

Bản án số: 580/2026/HS-ST
Ngày: 18-8-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Hồng Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Võ Thị Nam

2/ Bà Phạm Thị Thanh Mẫn

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Huy Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hữu Đạt - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 8 năm 2026, tại Trụ sở tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 766/2026/HSST ngày 23/6/2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4334/2026/QĐXXST-HS ngày 03/7/2026, đối với bị cáo:

Nguyễn Hữu L; sinh ngày 08/8/1989, tại tỉnh Bình Định (Nay là tỉnh Gia Lai); nơi thường trú: Tổ B, Khu phố V, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định (nay là phường H, tỉnh Gia Lai); nơi cư trú: không nơi cư trú ổn định; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu L1 (Đã chết) và bà Nguyễn Thị Kim H; bị cáo có vợ tên Huỳnh Phương T, sinh năm 1988 (Đã ly hôn) và có 01 người con tên Nguyễn Huỳnh Phương K; sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo ra đầu thú và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/4/2026 đến nay tại Trại tạm giam C, Công an Thành phố H. (Có mặt tại phiên tòa)

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hữu L: Ông Trần Quốc B, Luật sư của Công ty L3, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. (Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 40 phút ngày 26/10/2023, Phòng C1 Công an Thành phố H phối hợp cùng Công an phường B, Quận A (cũ) kiểm tra khách sạn A, số A N, phường B, Quận A (cũ) phát hiện tại Phòng 507 có Hoàng Đức S và Hoàng

Kim T1; Phòng 605 có Phạm Văn T2 và Nguyễn Thị Thúy V; Phòng 706 có Nguyễn Hữu B1 và Hồ Thị M đang thực hiện hành vi mua bán dâm với nhau.

Quá trình điều tra xác định, Nhà hàng 97 Bis S, phường B, Quận A do ông Nguyễn Minh C là người đại diện pháp luật, hoạt động trong lĩnh vực ăn uống, ca hát. Nguyễn Thị Cẩm N là người bỏ vốn và điều hành mọi hoạt động kinh doanh của nhà hàng. Nguyên thuê Nguyễn Hữu L làm Tổng quản lý để quản lý hoạt động kinh doanh tại nhà hàng. Để tăng doanh thu, N cho phép các nhân viên quản lý phòng, nhân viên quản lý tiếp viên cho các tiếp viên nữ của nhà hàng ra ngoài bán dâm cho khách, giá tiền bán dâm do nữ tiếp viên và khách tự thỏa thuận, giá bán dâm thường từ khoảng 3.500.000 đến 6.000.000 đồng/01 lần bán dâm tùy theo bán dâm 01 lần, nhiều lần hay qua đêm. Tiền mua dâm khách trả bằng cách chuyển khoản hay đưa trực tiếp cho tiếp viên bán dâm hoặc qua nhân viên quản lý phòng, nhân viên thu ngân của nhà hàng, tiền này tiếp viên hưởng, chủ nhà hàng, quản lý, nhân viên quản lý phòng không hưởng, các nhân viên quản lý được hưởng từ 10% đến 15% trên tổng hóa đơn của khách thanh toán. Để thuận tiện cho việc quản lý, L thông báo trên nhóm Zalo “*Quản lý 97*” tiếp viên nhà hàng muốn ra ngoài bán dâm cho khách phải ghi vào mẫu giấy “*Đơn xin nghỉ việc*” để tại quầy tiếp tân nơi nhân viên thu ngân K1 và L ngồi để thuận tiện cho việc quản lý.

Nguyễn Văn N1, Lê Hữu N2, Phạm Duy K1 là nhân viên của Nhà hàng 97. Trong đó, N1 là nhân viên quản lý phòng, N2 là nhân viên quản lý các nữ tiếp viên và K1 là nhân viên thu ngân. Khoảng 17 giờ ngày 26/10/2023, Trần Công N3 liên lạc qua tài khoản Z với nhân viên quản lý phòng Nguyễn Văn N1 đặt phòng đến ăn uống và ca hát tại nhà hàng. Sau đó, N3 và nhóm bạn của N3 gồm Hoàng Đức S, Phạm Văn T2, Nguyễn Hữu B1 được N1 đưa vào ăn uống, ca hát tại phòng Vip 3. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, N3 trao đổi với N1 về việc N3 và nhóm bạn của N3 có nhu cầu mua dâm với các nữ tiếp viên. Sau đó, N1 gọi N2 để N2 giới thiệu những tiếp viên nữ nào đồng ý đi bán dâm cho khách lên phòng Vip 3 thì N2 dẫn 04 nữ tiếp viên gồm Nguyễn Khánh L2, Hoàng Kim T1, Nguyễn Thị Thúy V, Hồ Thị M xuống để N1 dẫn vào phòng giới thiệu và thỏa thuận giá mua bán dâm với N3. Trong đó, tiếp viên Nguyễn Khánh L2 đồng ý bán dâm cho Trần Công N3 với giá 5.000.000 đồng/01 lần, Hoàng Kim T1 bán dâm cho Hoàng Đức S, Nguyễn Thị Thúy V bán dâm cho Phạm Văn T2 và Hồ Thị M bán dâm cho Nguyễn Hữu B1 với giá là 4.000.000 đồng/01 lần, tổng số tiền mua dâm của N3 và nhóm bạn là 17.000.000 đồng. N2 kêu nhân viên phục vụ phòng Trần Anh T3 đưa số tài khoản của nhân viên thu ngân Phạm Duy K1 để N3 chuyển tiền từ Tài khoản số 09620977575 của N3 mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (M1) vào Tài khoản số 141479797 mở tại M1 của K1.

Sau khi thỏa thuận xong, các nữ tiếp viên nhà hàng đi bán dâm ghi vào tờ giấy “*Đơn xin nghỉ việc*” để ở quầy thu ngân của K1 để Tổng quản lý L biết và quản lý. Sau đó, N3 và tiếp viên Nguyễn Khánh L2 đến khách sạn A số 145 L, phường B, Quận A (cũ) thực hiện việc mua bán dâm rồi quay lại Nhà hàng 97 ăn uống. Khi Hoàng Đức S, Phạm Văn T2, Nguyễn Hữu B1 đang mua bán dâm với

các tiếp viên Hoàng Kim T1, Nguyễn Thị Thúy V, Hồ Thị M tại khách sạn A, số A N, phường B, Quận A (cũ) thì bị Phòng C1 Công an Thành phố H cùng Công an phường B, Quận A (cũ) kiểm tra phát hiện.

Ngày 03/11/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với Nguyễn Thị Cẩm N, Nguyễn Văn N1, Lê Hữu N2, Phạm Duy K1, Nguyễn Hữu L, về tội “Môi giới mại dâm”. Đến ngày 06/5/2025, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đưa vụ án ra xét xử tuyên phạt đối với các bị cáo và xử lý vật chứng của vụ án (theo Bản án hình sự sơ thẩm số 216/2025/HS-ST ngày 06/5/2025).

Riêng bị cáo Nguyễn Hữu L bỏ trốn nên ngày 19/11/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã ra Quyết định truy nã, Quyết định tách vụ án để xử lý sau.

Đến ngày 07/4/2026, Nguyễn Hữu L đã tới Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai nhận tội của các bị cáo Nguyễn Thị Cẩm N, Nguyễn Văn N1, Lê Hữu N2 trước đây và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 146/CT-VKS-P2 ngày 17/6/2026, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Hữu L, về tội “Môi giới mại dâm”, theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 328 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

*** Tại phiên tòa hôm nay:**

- Bị cáo Nguyễn Hữu L đã khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố, quá trình điều tra bị cáo không bị mớm cung, bức cung, nhục hình, lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra là tự nguyện, đúng với hành vi phạm tội của bị cáo.

- *Đại diện Viện kiểm sát trình bày lời luận tội:* Sau khi nêu lại nội dung vụ án, phân tích tính chất và hậu quả của vụ án, trên cơ sở các chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên tòa cũng như toàn bộ lời khai của bị cáo và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đồng thời xem xét đến các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 328; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, để xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu L từ 04 năm đến 05 năm tù.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát đề nghị về xử lý án phí và quyền kháng cáo của bị cáo theo các quy định của pháp luật.

- Bị cáo Nguyễn Hữu L không tranh luận

Luật sư Trần Quốc B bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hữu L: Luật sư thống nhất về tội danh và điều luật áp dụng mà Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố đối với bị cáo, luật sư thống nhất các tình tiết giảm nhẹ mà Viện kiểm sát đã đề nghị như bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú, nhưng đề nghị xem xét thêm bị cáo được chính

quyền địa phương xác nhận là lao động chính trong gia đình, đang trực tiếp nuôi dưỡng con nhỏ đang đi học, đồng thời bị cáo không chủ động buộc các tiếp viên đi bán dâm, mà tiếp viên tự thỏa thuận với khách mua bán dâm và bị cáo không được hưởng lợi gì là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Bộ luật Hình sự. Mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị từ 4 đến 5 năm tù là quá nghiêm khắc, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án dưới mức thấp nhất mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị và ở mức án thấp nhất của khung hình phạt là 03 năm tù.

Bị cáo Nguyễn Hữu L nhất trí với lời luật sư đã bào chữa cho bị cáo, không bào chữa bổ sung, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tranh luận đối đáp:* Viện kiểm sát đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để đề nghị mức hình phạt phù hợp nên giữ nguyên quan điểm đề nghị.

Sau khi tranh luận đối đáp, Kiểm sát viên, luật sư đều vẫn giữ nguyên quan điểm, ý kiến như đã đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Hữu L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố. Căn cứ vào lời khai của người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lời khai của các bị cáo khác trong cùng vụ án, biên bản đối chất và tại các bản tự khai, biên bản hỏi cung của các bị cáo, cũng như tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Nhà hàng 97 Bis S, phường B, Quận A (C), Thành phố Hồ Chí Minh do Nguyễn Thị Cẩm N là người bỏ vốn kinh doanh và điều hành, nhưng N không trực tiếp điều hành mà thuê Nguyễn Hữu L làm tổng quản lý để quản lý mọi hoạt động kinh doanh tại nhà hàng. Để tăng doanh thu cho nhà hàng, L cho phép các nhân viên quản lý phòng và nhân viên quản lý tiếp viên của nhà hàng đồng ý cho các tiếp viên nữ của nhà hàng ra ngoài bán dâm khi khách hàng yêu cầu, việc làm này L có nói lại cho N biết. Đồng thời để thuận tiện cho việc quản lý tiếp viên, L đặt ra quy định khi tiếp viên nữ của nhà hàng muốn ra ngoài bán dâm cho khách phải ghi vào mẫu giấy “Đơn xin nghỉ việc” để tại quầy tiếp tân nơi nhân viên thu ngân K1 và L ngồi. Vào ngày 26/10/2023, L đã đồng ý cho các tiếp viên của Nhà hàng 97 gồm Hoàng Kim T1, Nguyễn Thị Thúy V, Hồ Thị M, Nguyễn Khánh L2 bán dâm cho các khách mua dâm Hoàng Đức S, Phạm Văn T2, Nguyễn Hữu B1, Trần Công N3 tại khách sạn A, số A N, phường B, Quận A (cũ), Thành phố Hồ Chí Minh thì bị phát hiện.

Như vậy, Nguyễn Hữu L làm tổng quản lý, để quản lý hoạt động kinh doanh của nhà hàng, đã có hành vi giới thiệu, sắp xếp tạo điều kiện cho 04 tiếp

viên nữ của nhà hàng đi bán dâm cho 04 khách mua dâm tại các khách sạn bên ngoài nhà hàng nên hành vi của Nguyễn Hữu L đã phạm vào tội “Môi giới mại dâm”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 328 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Hành vi phạm tội của Nguyễn Hữu L là nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bản thân bị cáo có đủ độ tuổi và năng lực trách nhiệm hình sự để nhận thức được việc làm trung gian môi giới cho nhiều người thực hiện hành vi mua bán dâm là tệ nạn xã hội bị Nhà nước nghiêm cấm, nhưng xuất phát từ động cơ tư lợi bị cáo vẫn cố ý phạm tội, thể hiện ý thức coi thường và bất chấp pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc, tương xứng với vai trò và tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, để đảm bảo tính răn đe giáo dục đối với bị cáo và công tác phòng ngừa chung trong xã hội.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Nguyễn Hữu L có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn bị truy nã, đã ra đầu thú, ngoài ra bị cáo là lao động chính trong gia đình có mẹ hết tuổi lao động, có con nhỏ đang đi học (có xác nhận của chính quyền địa phương) và phạm tội lần đầu chưa có tiền án, tiền sự, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xét thấy bị cáo Nguyễn Hữu L là người có nhân thân tốt phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự, sau khi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn, đã gây khó khăn cho việc điều tra vụ án của các cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, đã gây ảnh hưởng xấu đến an toàn, trật tự xã hội tại địa phương, đồng thời trên cơ sở bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và sự phân hóa vai trò đồng phạm, xem xét đến từng hành vi, vai trò của từng bị cáo (đã được xét xử tại Bản án hình sự sơ thẩm số 216/2025/HS-ST ngày 06/5/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh) theo các Điều 50; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự để quyết định về hình phạt cho bị cáo Nguyễn Hữu L và buộc bị cáo Nguyễn Hữu L phải chấp hành hình phạt tại trại giam một thời gian nhất định, mới có tác dụng giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung, đồng thời để bị cáo có thời gian tự rèn luyện trở thành người công dân lương thiện, có ích cho xã hội và biết tôn trọng pháp luật.

[2] Về hình phạt bổ sung: Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Hữu L, Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo là lao động chính có hoàn cảnh gia đình khó khăn và bị cáo không có thu lợi bất chính gì khác, nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp với các quy định của pháp luật.

[3] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, cũng như quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở để chấp nhận, đồng thời chấp nhận một phần đề nghị về mức hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Hữu L, cũng như chấp nhận đề nghị về án phí, quyền kháng cáo của bị cáo.

Lập luận trên cũng là cơ sở để chấp nhận lời trình bày bào chữa của luật sư đã bào chữa cho bị cáo về tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, để chấp nhận xử bị cáo một mức án dưới mức thấp nhất mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị tại phiên tòa.

[4] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Hội đồng xét thấy trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo, luật sư cung cấp tài liệu chứng cứ phù hợp với các quy định của pháp luật; bị cáo, luật sư không có người nào có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[5] Về xử lý vật chứng đã được xử lý tại Bản án hình sự sơ thẩm số 216/2025/HS-ST ngày 06/5/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét trong vụ án này.

[6] Án phí: Bị cáo Nguyễn Hữu L phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Hữu L có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình phạt: Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 328; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu L 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù, về tội “*Môi giới mại dâm*”. Thời hạn tù tính từ ngày 07/4/2026.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và áp dụng Nghị quyết về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, cùng danh mục án phí, lệ phí tòa án, của Ủy ban thường vụ Q1,

Buộc bị cáo Nguyễn Hữu L phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331; 332 và 333 của Bộ luật tố tụng hình sự,

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 18 tháng 8 năm 2026) để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6, 7, 8 và 36. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận;

- TAND Tối cao; (1)
- VKSND TPHCM; (3)
- CQ THAHS CA.TP.HCM; (1)
- CQCSĐT – CA.TP.HCM; (1)
- Trại tạm giam Chí Hòa; (1)
- Bị cáo; (1)
- Người bào chữa; (1)
- THADS TPHCM; (1)
- P. PV06 - CA TPHCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (20) (8)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Hồng Sơn